# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/28

Ngày phát hành/ *Issue date* : 05/10/2026
Trang/ *Page* : 1/2

| | |
|---|---|
| Tên khách hàng/ *Company*(1): | **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG** |
| Địa chỉ/ *Address*(1): | Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ |
| Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: | 12/09/2026 |
| Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*: | 12/09/2026 đến 21/09/2026 |
| Tên mẫu/ *Sample Name*(1): | **NƯỚC SẠCH – Mẫu tại bể chứa – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ** |
| Mô tả mẫu/ *Sample description*: | Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.* |

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

**Ghi chú/ *Notes*:**
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**
*Officer in charge of Laboratory*

**Nguyễn Ngọc Hân**

**TUQ. Tổng Giám đốc**/ *For General Director*
**Giám đốc kỹ thuật**/ *Technical Director*

M.S.D.N: 0316652523 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS - P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***

| | |
|---|---|
| **Ho Chi Minh** | Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City* |
| **Can Tho** | Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ<br>*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City* |
| **Bac Lieu** | Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau<br>*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province* |
| **Ca Mau** | Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau<br>*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province* |

VietLabs
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/28

Ngày phát hành/ *Issue date* : 05/10/2026
Trang/ *Page* : 2/2

## Kết quả/ *result*

| TT *No.* | Chỉ tiêu *Parameter* | Phương pháp phân tích *Test method* | Đơn vị *Unit* | Kết quả *Result* | LOQ | QCVN 01-1:2024/BYT(#) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Định lượng *Escherichia coli*/ *Enumeration of Escherichia coli* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | <1 | - | <1 |
| 2. | Định lượng Coliforms/ *Enumeration of Coliforms* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | $1,0 \times 10^1$ | - | <1 |
| 3. | Mùi/ *Odor* | VLAB-CH-TP-264 | - | Không có mùi lạ | - | Không có mùi lạ |
| 4. | Độ đục/ *Turbidity* | SMEWW 2130B:2023(a) | NTU | KPH/ND | 0,5 | 2 |
| 5. | Độ màu/ *Color* | SMEWW 2120 C:2023(a) | TCU | KPH/ND | 6 | 15 |
| 6. | pH/ *pH Value* | TCVN 6492: 2011(a) | - | 7,00 | - | 6,0-8,5 |
| 7. | Chỉ số Pecmanganat/ *Permanganate index* | TCVN 6186:1996(a) | mg/L | 1,09 | - | 2 |
| 8. | Hàm lượng Clo dư/ *Free chlorine content* | SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a) | mg/L | 0,21 (<LOQ) | 0,3 | 0,2 - 1,0 |
| 9. | Hàm lượng Nitơ amoniac / *Nitrogen ammonia content(##)* | SMEWW 4500-NH3-C:2023(a) | mg/L | KPH/ND | 0,3 | 1 |
| 10. | Hàm lượng Asen (As)/ *Arsenic (As) content* | SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a) | mg/L | KPH/ND | 0,003 | 0,01 |

**Ghi chú/ *Remark(s)*:**

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;
(##) Hàm lượng Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N).

Báo cáo kết quả thử nghiệm này chưa phù hợp theo QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*

**Can Tho** Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ
*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City*

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VietLabs
Your Trusted Partner

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/29

Ngày phát hành/ *Issue date* : 05/10/2026
Trang/ *Page* : 1/2

| | |
|---|---|
| Tên khách hàng/ *Company*(1): | **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG** |
| Địa chỉ/ *Address*(1): | Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ |
| Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: | 12/09/2026 |
| Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*: | 12/09/2026 đến 21/09/2026 |
| Tên mẫu/ *Sample Name*(1): | **NƯỚC SẠCH – Mẫu tại hộ dân: Dương Thị Hồng Lụa – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ** |
| Mô tả mẫu/ *Sample description*: | Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.* |

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

**Ghi chú/ *Notes*:**

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*

Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**
*Officer in charge of Laboratory*

**Nguyễn Ngọc Hân**

**TUQ. Tổng Giám đốc**/ *For General Director*
**Giám đốc kỹ thuật**/ *Technical Director*

M.S.D.N: 0316032523 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***

| | |
|---|---|
| **Ho Chi Minh** | Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City* |
| **Can Tho** | Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ<br>*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City* |
| **Bac Lieu** | Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau<br>*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province* |
| **Ca Mau** | Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau<br>*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province* |

VietLabs
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/29

Ngày phát hành/ *Issue date* : 05/10/2026
Trang/ *Page* : 2/2

## Kết quả/ *result*

| TT *No.* | Chỉ tiêu *Parameter* | Phương pháp phân tích *Test method* | Đơn vị *Unit* | Kết quả *Result* | LOQ | QCVN 01-1:2024/BYT(#) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Định lượng *Escherichia* coli/ *Enumeration of Escherichia coli* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | <1 | - | <1 |
| 2. | Định lượng Coliforms/ *Enumeration of Coliforms* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | $1,5 \times 10^1$ | - | <1 |
| 3. | Mùi/ *Odor* | VLAB-CH-TP-264 | - | Không có mùi lạ | - | Không có mùi lạ |
| 4. | Độ đục/ *Turbidity* | SMEWW 2130B:2023(a) | NTU | KPH/ND | 0,5 | 2 |
| 5. | Độ màu/ *Color* | SMEWW 2120 C:2023(a) | TCU | KPH/ND | 6 | 15 |
| 6. | pH/ *pH Value* | TCVN 6492: 2011(a) | - | 6,97 | - | 6,0-8,5 |
| 7. | Chỉ số Pecmanganat/ *Permanganate index* | TCVN 6186:1996(a) | mg/L | 1,98 | - | 2 |
| 8. | Hàm lượng Clo dư/ *Free chlorine content* | SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a) | mg/L | 0,25 (<LOQ) | 0,3 | 0,2 - 1,0 |
| 9. | Hàm lượng Nitơ amoniac / *Nitrogen ammonia content(##)* | SMEWW 4500-NH3-C:2023(a) | mg/L | KPH/ND | 0,3 | 1 |
| 10. | Hàm lượng Asen (As)/ *Arsenic (As) content* | SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a) | mg/L | KPH/ND | 0,003 | 0,01 |

**Ghi chú/ *Remark(s)*:**

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;
(##) Hàm lượng Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N).

Báo cáo kết quả thử nghiệm này chưa phù hợp theo QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***

| | |
|---|---|
| **Ho Chi Minh** | Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh<br>*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City* |
| **Can Tho** | Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ<br>*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City* |
| **Bac Lieu** | Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau<br>*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province* |
| **Ca Mau** | Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau<br>*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province* |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/30

Ngày phát hành/ *Issue date* : 02/10/2026
Trang/ *Page* : 1/2

| | |
|---|---|
| Tên khách hàng/ *Company*(1): | **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG** |
| Địa chỉ/ *Address*(1): | Ấp 12, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ |
| Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt*: | 12/09/2026 |
| Thời gian thử nghiệm/ *Testing period*: | 12/09/2026 đến 21/09/2026 |
| Tên mẫu/ *Sample Name*(1): | **NƯỚC SẠCH – Mẫu tại hộ dân: Đỗ Thành Nhân – Nhà máy nước Nàng Mau - Ấp 1, Xã Vị Thủy, Thành phố Cần Thơ** |
| Mô tả mẫu/ *Sample description*: | Mẫu chứa trong can nhựa/ *Sample in plastic cans.* |

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**/ *TEST RESULTS*
[Xem trang kế/ *See next page (s)*]

**Ghi chú/ *Notes*:**
(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ (1) *Information provided by client.*
(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) *Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.*
(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) *Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.*
(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) *Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.*
(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) *Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.*
(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) *Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.*
(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) *Parameter was performed by the subcontractor.*
Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ *The test results are valid only on submitted sample.*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Limit of quantification.*
- KPH/ *ND*: Không phát hiện/ *Not detected.*
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ *Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.*

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs – Trung tâm phân tích/ *All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.*

Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ *Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.*

**Phụ trách phòng thử nghiệm**
*Officer in charge of Laboratory*

**Nguyễn Ngọc Hân**

**TUQ. Tổng Giám đốc**/ *For General Director*
**Giám đốc kỹ thuật**/ *Technical Director*

M.S.D.N: 0316652523 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIETLABS P. LONG TRƯỜNG - TP. HỒ CHÍ MINH

**Phạm Lê Tiến Khánh**



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***
**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
**Can Tho** Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ
*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City*
**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*
**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*

VietLabs
Your Trusted Partner

# BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
# *TEST REPORT*

VALAS 160

**Số/ *No.*:** VLAB0-260912-074/30

Ngày phát hành/ *Issue date* : 02/10/2026
Trang/ *Page* : 2/2

## Kết quả/ *result*

| TT *No.* | Chỉ tiêu *Parameter* | Phương pháp phân tích *Test method* | Đơn vị *Unit* | Kết quả *Result* | LOQ | QCVN 01-1:2024/BYT(#) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Định lượng *Escherichia* coli/ *Enumeration of Escherichia coli* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | <1 | - | <1 |
| 2. | Định lượng Coliforms/ *Enumeration of Coliforms* | ISO 9308- 1:2014/ Amd 1:2016(a) | CFU/100ml | <1 | - | <1 |
| 3. | Mùi/ *Odor* | VLAB-CH-TP-264 | - | Không có mùi lạ | - | Không có mùi lạ |
| 4. | Độ đục/ *Turbidity* | SMEWW 2130B:2023(a) | NTU | KPH/ND | 0,5 | 2 |
| 5. | Độ màu/ *Color* | SMEWW 2120 C:2023(a) | TCU | KPH/ND | 6 | 15 |
| 6. | pH/ *pH Value* | TCVN 6492: 2011(a) | - | 6,86 | - | 6,0-8,5 |
| 7. | Chỉ số Pecmanganat/ *Permanganate index* | TCVN 6186:1996(a) | mg/L | 1,41 | - | 2 |
| 8. | Hàm lượng Clo dư/ *Free chlorine content* | SMEWW 4500-Cl2-B:2023(a) | mg/L | 0,28 (<LOQ) | 0,3 | 0,2 - 1,0 |
| 9. | Hàm lượng Nitơ amoniac / *Nitrogen ammonia content(##)* | SMEWW 4500-NH3-C:2023(a) | mg/L | KPH/ND | 0,3 | 1 |
| 10. | Hàm lượng Asen (As)/ *Arsenic (As) content* | SMEWW 3030E:2023; SMEWW 3125B:2023 (a) | mg/L | KPH/ND | 0,003 | 0,01 |

**Ghi chú/ *Remark(s)*:**

(#) Quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BYT do khách hàng yêu cầu viện dẫn;
(##) Hàm lượng Amoni ($NH_3$ và $NH_4^+$ tính theo N).

Báo cáo kết quả thử nghiệm này phù hợp theo QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT.

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – phương pháp màng lọc, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <1 CFU/thể tích mẫu đã lọc./ *For the microbiological testing method – membrane filtration technique, result of not detected colonies is reported as <1 CFU/filtrated volume.*

[Kết thúc báo cáo/ *End of report*]



**Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs**
***VietLabs Technology Joint Stock Company***

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

**Trung tâm phân tích/*Testing Center***

**Ho Chi Minh** Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
*62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City*

**Can Tho** Lô số LK5-12, đường số 5, khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành Phố Cần Thơ
*Lot LK5-12, Street No. 5, Nguyen Van Cu Urban Area, Long Tuyen Ward, Can Tho City*

**Bac Lieu** Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
*479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province*

**Ca Mau** Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
*214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province*